

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ HOÀNG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /TB-UBND

Hoàng Phú, ngày tháng năm 2026

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản**

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi các Luật số 43/2024/QH15, số 47/2024/QH15, số 58/2024/QH15, Luật số 71/2025/QH15, số 84/2025/QH15, số 93/2025/QH15 và số 95/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/08/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 66.11/2026/NQ-CP ngày 06/01/2026 của Chính phủ quy định xử lý khó khăn, vướng mắc về đấu giá quyền sử dụng đất trong trường hợp giao đất ở theo quy định của Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-BTC ngày 22/01/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản; đặt trước của người tham gia đấu giá không được nhận lại theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1311/QĐ-BTP ngày 22/4/2025 của Bộ Tư pháp về ban hành khung giá dịch vụ đấu giá tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư Pháp về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 52/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa quyết định bảng giá đất lần đầu để công bố để áp dụng từ ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Trịnh Thôn, xã Hoàng Phú thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03);

Căn cứ Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20/08/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 mặt bằng phân lô đất ở tại thôn Trinh Thôn, xã Hoàng Phú (Mặt bằng KQ5);

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư thôn Trinh Thôn, xã Hoàng Phú huyện Hoàng Hóa (Mặt bằng KQ04) thuộc MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 26/11/2020 của UBND huyện Hoàng Hóa về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu dân cư xã Hoàng Phú thuộc MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020;

Căn cứ Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 28/2/2024 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 878/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 về việc phê duyệt danh mục dự án đấu giá quyền sử dụng đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh (đợt 1);

Căn cứ Quyết định số 135/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phú về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 12/02/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phú về việc điều chỉnh phương án đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 209/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phú về việc điều chỉnh phương án đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ-UBND ngày 13/3/2026 của Chủ tịch UBND xã Hoàng Phú về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Qùy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 251/QĐ-UBND ngày 17/3/2026 của Chủ tịch UBND

xã Hoàng Phú về việc đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Quy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã Hoàng Phú tại Tờ trình số 59/TTr-KT ngày 18/3/2026 về việc Thông báo lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để thực hiện đấu giá quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Quy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

UBND xã Hoàng Phú thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản để tổ chức đấu giá tài sản: Quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Quy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa với nội dung cụ thể như sau:

**1. Tên, địa chỉ của người có tài sản:** UBND xã Hoàng Phú. Địa chỉ: Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hoá.

**2. Thông tin về tài sản đấu giá:**

- Tài sản bán đấu giá là: Quyền sử dụng các lô đất ở thuộc MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03); MBQH 71/MBQH-UBND ngày 20/8/2020 (Mặt bằng Kim Quy 05); MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 04); MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020 tại xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa.

TT	Tên lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng/m <sup>2</sup> )	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>MBQH số 90/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 03)</b>				
1	L1-03	140	8.000.000	1.120.000.000	
2	L1-04	140	8.000.000	1.120.000.000	
3	L1-05	140	8.000.000	1.120.000.000	
4	L1-07	140	8.000.000	1.120.000.000	
5	L1-08	140	8.000.000	1.120.000.000	

6	L2-15	140	8.000.000	1.120.000.000
7	L2-16	140	8.000.000	1.120.000.000
<b>II MBQH số 71/MBQH-UBND ngày 20/08/2020 (Mặt bằng Kim Quy 05)</b>				
8	L1-01	112	9.068.000	1.015.616.000
9	L1-02	112	9.068.000	1.015.616.000
10	L1-03	112	9.068.000	1.015.616.000
11	L4-21	247,1	14.400.000	3.558.240.000
<b>III MBQH số 91/MBQH-UBND ngày 01/12/2020 (Mặt bằng Kim Quy 04)</b>				
12	L1-03	126	20.447.000	2.576.322.000
<b>IV MBQH số 83/MBQH-UBND ngày 26/11/2020</b>				
13	A22	150	8.262.000	1.239.300.000
14	A23	150	8.262.000	1.239.300.000
<b>Tổng: 14 lô</b>		<b>1.989,10</b>		<b>19.500.010.000</b>

### 3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Các tổ chức đấu giá tài sản phải đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đấu giá tài sản năm 2024 và Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31/12/2024 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15, gồm các tiêu chí sau:

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10,0</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>

2.1	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	2,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3,0
3.	<b><i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i></b> <b><i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng Thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i></b>	<b>2,0</b>
4.	<b><i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i></b>	<b>1,0</b>
5.	<b><i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i></b>	<b>1,0</b>
III	<b><i>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</i></b>	<b>16,0</b>
1.	<b><i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i></b>	<b>4,0</b>
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0
2.	<b><i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i></b>	<b>4,0</b>
3.	<b><i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i></b>	<b>4,0</b>
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0
4.	<b><i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i></b>	<b>4,0</b>
IV	<b><i>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</i></b>	<b>57,0</b>
1.	<b><i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i></b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>15,0</b>
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0
1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0

2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4,0
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5,0
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6,0
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7,0
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4,0
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5,0
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6,0
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7,0
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0

5.1	<i>Có thời gian hoạt động dưới 05 năm</i>	4,0
5.2	<i>Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	5,0
5.3	<i>Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm</i>	6,0
5.4	<i>Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên</i>	7,0
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>4,0</b>
6.1	<i>01 đấu giá viên</i>	2,0
6.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	3,0
6.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>4,0</b>
7.1	<i>Dưới 05 năm</i>	2,0
7.2	<i>Từ 05 năm đến dưới 10 năm</i>	3,0
7.3	<i>Từ 10 năm trở lên</i>	4,0
8.	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	<b>5,0</b>
8.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	3,0
8.2	<i>Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	4,0
8.3	<i>Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên</i>	5,0
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b>	<b>5,0</b>

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b> (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	<b>6,0</b>
1.	Đã tổ chức đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá (Quyền sử dụng đất) có giá khởi điểm cao nhất trong thời gian từ năm 2024 đến ngày nộp hồ sơ tham gia lựa chọn. Đơn vị cung cấp thông tin Hợp đồng đấu giá có giá khởi điểm cao nhất để làm căn cứ chấm điểm.	3,0
2.	Tiêu chí khác: Đã từng tổ chức thành công phiên đấu giá trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá có số lượng người tham gia đấu giá nhiều nhất trong số các Đơn vị tham gia lựa chọn (Đơn vị tham gia cung cấp thông tin/tài liệu làm căn cứ chấm điểm (nếu có)).	3,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>98</b>

#### 4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian: Thời hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng tải thông báo.
- Người đến nộp hồ sơ phải mang theo Giấy giới thiệu và Căn cước công dân.
- Địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá: Phòng Kinh tế xã Hoàng Phú, Địa chỉ: Xã Hoàng Phú, tỉnh Thanh Hóa./.

*Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với các hồ sơ không được lựa chọn.*

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh (để đăng Website của UBND tỉnh);
- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về ĐGTS (để đăng thông báo);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Các phòng: KT; VP HĐND và UBND;
- TT CU DVC xã; (Đăng TB lên Cổng thông tin điện tử của UBND xã);
- Lưu: VT

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Loan**